TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 18-01-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý;

Ông Trần Ái Hòa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 729/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Phạm Kim L, sinh năm 1992; có đơn xin vắng mặt.

Cư trú tại: ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: anh Trịnh Văn A, sinh năm 1994; có mặt.

Cư trú tại: ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Kim L trình bày:

Chị và anh A tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình anh A tại ấp B, xã P, thị xã Trảng Bàng, chị làm công nhân, anh A làm thuê. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do anh A thường đi làm vắng nhà, vợ chồng gây gỗ nhau, tình cảm vợ chồng

phai nhạt, không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã tự ly thân từ năm 2019 đến nay, chị đưa con về nhà ngoại sinh sống tại tỉnh Vĩnh Long. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh A.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 người con chung là cháu Trịnh Minh T, sinh ngày 27-11-2015. Hiện tại cháu T đang sống cùng với chị, cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn – anh Trịnh Văn A trình bày:

Anh thống nhất lời khai của chị L về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn và nơi chung sống sau khi kết hôn. Vợ chồng anh bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2019 nguyên nhân là do tính tình của vợ, chồng không còn phù hợp với nhau, thường xuyên gây gỗ nhau và vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn liên lạc và không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay anh đang sống cùng với cha ruột tại ấp B nhưng anh đi làm thuê tại các tỉnh thành khác, thỉnh thoảng về nhà 01 lần. Nay anh đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 người con chung là cháu Trịnh Minh T, sinh ngày 27-11-2015. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu T cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa thì không thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Kim L đối với anh Trịnh Văn A. Chị L được ly hôn anh A.

Về con chung: giao Trịnh Minh T, sinh ngày 27-11-2015 cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Phạm Kim L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh A chung sống với nhau năm 2015, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn và tự ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị L yêu cầu được ly hôn anh A. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh A đều vắng mặt cho thấy anh A không có thiện chí hàn gắn cùng chị L và tại phiên tòa, anh A đồng ý ly hôn chị L.

Xét thấy, chị L, anh A tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị L vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh A, cho chị L được ly hôn anh A là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị L và anh A có 01 con chung là cháu Trịnh Minh T, sinh ngày 27-11-2015. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T và anh A cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí:

Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Kim L đối với anh Trịnh Văn A.

Chị Phạm Kim L được ly hôn anh Trịnh Văn A.

2. Về con chung:

Giao cháu Trịnh Minh T, sinh ngày 27-11-2015 cho chị Phạm Kim L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị L và anh A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: chị Phạm Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014967 ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: anh A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị L có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư